

NUÔI TÔM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC

TS Trịnh Thị Long, ThS Dương Công Chính

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam

Trong những năm gần đây, nghề nuôi tôm ở Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng đã phát triển mạnh thành ngành kinh tế quan trọng (năm 2016 chiếm hơn 90% về diện tích và gần 83% về sản lượng của cả nước), tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho hàng triệu người dân ven biển, mang lại nguồn ngoại tệ đáng kể cho đất nước. Tuy nhiên, nghề nuôi tôm ở ĐBSCL đang phải đối mặt với nhiều vấn đề ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các vấn đề về quy hoạch, cấp thoát nước, xử lý chất thải, nước thải, dịch bệnh...

Mở đầu

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, trong những năm qua nghề nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL đã có những bước phát triển nhanh chóng. Trong nuôi trồng thủy sản, tôm nước mặn/lợ là đối tượng được người dân lựa chọn nhiều nhất và đã trở thành nghề sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, làm thay đổi cơ cấu kinh tế trong vùng; góp phần giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn.

Theo số liệu thống kê, diện tích nuôi tôm nước mặn/lợ ở 8 tỉnh ven biển thuộc ĐBSCL năm 2016 đạt hơn 630 nghìn ha, sản lượng đạt gần 540 nghìn tấn, đưa ĐBSCL tiếp tục là “thủ phủ” nuôi tôm của cả nước (chiếm hơn 90% diện tích và gần 83% sản lượng). Trong cơ cấu nuôi hiện nay, tôm sú luôn chiếm tỷ trọng ưu thế. Năm 2016, diện tích nuôi tôm sú đạt hơn 560 nghìn ha (chiếm 88,8%). Tôm thẻ chân trắng bắt đầu phát triển mạnh từ năm 2008, đến năm 2016 có diện tích hơn 71 nghìn ha (chiếm 11,2%).

Với nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên cũng như tiềm năng về diện tích, nghề nuôi tôm ở ĐBSCL được phát triển với nhiều hình thức nuôi khác nhau. Đầu tiên là mô hình nuôi quảng canh, sau đó phát triển dần sang nuôi quảng canh cải tiến, bán thâm canh (bán công nghiệp) và thâm canh (công nghiệp). Bên cạnh đó, các hình thức nuôi khác cũng được phát triển như nuôi tôm kết hợp trồng lúa, tôm - rừng ngập mặn hay tôm - cá. Mỗi một hình thức có các đặc điểm riêng, phụ thuộc vào mức độ, tập quán nuôi trồng, địa điểm nuôi. Tuy nhiên phần lớn diện tích nuôi tôm ở ĐBSCL hiện nay vẫn là nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến nên năng suất và hiệu quả sử dụng mặt nước không cao.

Mặc dù là địa bàn trọng điểm của cả nước, nuôi tôm ở ĐBSCL hiện nay cũng đang phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức như vấn đề quy hoạch, cấp thoát nước, xử lý chất thải, nước thải, suy thoái môi trường, bệnh dịch tôm và vấn đề cơ chế chính sách.

Những tồn tại và thách thức ảnh hưởng đến nghề nuôi tôm

Ở các nước có nghề nuôi tôm phát triển ổn định như Thái Lan, Nhật Bản, Mỹ..., việc quy hoạch, quản lý nghề nuôi đã ổn định. Quy hoạch vùng nuôi gắn với vấn đề nguồn nước cấp, kỹ thuật nuôi, dịch vụ hậu cần và xử lý chất thải phát sinh được xem xét cẩn kẽ nên tác động của nghề nuôi đến môi trường không quá lớn, do vậy nghề nuôi luôn phát triển bền vững. Ở Việt Nam cũng như ở ĐBSCL, trong phát triển nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm nước lợ nói riêng, vẫn còn nhiều tồn tại và thách thức.

Vấn đề quy hoạch: Dù kim ngạch xuất khẩu tôm đem lại hơn 2 tỷ USD và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động, nhưng hiện tại chúng ta vẫn chưa có quy hoạch riêng cho nuôi tôm mà chỉ được lồng ghép chung trong quy hoạch nuôi trồng thủy sản. Do vậy chưa chủ động đưa ra được chiến lược để phát triển nghề nuôi tôm.

Ở ĐBSCL hiện nay có sự đối



Hệ thống cấp thoát nước cho tôm nuôi chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

lập giữa tổng diện tích nuôi tôm với tỷ lệ diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh. Khi địa phương không chú trọng vào phát triển về mặt diện tích thì hình thức nuôi được phát triển chuyên sâu hơn sang hướng thâm canh và bán thâm canh. Rõ ràng nghề nuôi tôm ở ĐBSCL đã phát triển quá lớn về mặt diện tích dẫn đến khó có thể xây dựng được quy hoạch riêng sát với thực tế, chưa quy hoạch được vùng chuyên tôm trọng điểm để đầu tư xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng, từ việc cấp và thoát nước, phát triển các công nghệ nuôi cho năng suất cao thân thiện với môi trường.

Quy hoạch nuôi tôm nước lợ của Thái Lan cho thấy, họ đã rất thành công với sự kiên định không mở rộng diện tích nuôi. Ngay từ năm 1989 đến nay, Thái Lan không gia tăng diện tích mà chỉ duy trì tối đa khoảng 76.000 ha (chỉ bằng khoảng 13% diện tích nuôi tôm của ĐBSCL hiện nay) để tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển công nghệ nuôi có tính ổn định, làm chìa khoá để duy trì và phát triển nghề nuôi. Hiện tại sản lượng tôm nuôi của Thái Lan cao hơn 1,5 lần so với vùng ĐBSCL.

Vấn đề cấp thoát nước: Nuôi tôm còn được gọi là “nuôi nước”, cách thức cấp nước cho nuôi tôm khác xa với cách thức cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Như vậy, không thể bê nguyên hệ

thống thuỷ lợi phục vụ cho nông nghiệp trước đây để cấp và thoát nước cho nuôi tôm. Như đã nêu ở trên, nghề nuôi tôm ở ĐBSCL phát triển mang tính tự phát, có thể nói chưa có khu vực nào được phát triển đồng bộ trong lĩnh vực cấp và thoát nước do các khu nuôi phát triển riêng lẻ, phần lớn là nông hộ và phát triển dần từ hình thức quảng canh sang bán thâm canh và những hộ có điều kiện chuyển lên thâm canh. Do phát triển nhỏ lẻ nên dù muốn hay không thì hệ thống cấp nước vẫn phải dựa vào nguồn cấp chung của toàn vùng.

Xử lý chất thải, nước thải: Đó là vấn đề xử lý và tiêu thoát chất thải, nước thải vuông tôm, vấn đề ô nhiễm do thức ăn dư thừa, vấn đề mầm bệnh lây lan... Việc phòng ngừa lây lan dịch bệnh giữa các ao nuôi, đầm nuôi, các trại sản xuất tôm giống nếu không được quan tâm đúng mức và thải thẳng ra môi trường sẽ dẫn đến hậu quả là dịch bệnh tràn lan trên diện rộng, làm tôm chết hàng loạt trong các ao, đầm nuôi. Ngoài ra, sự gia tăng dân số, đô thị hóa sẽ làm phát sinh lượng rác thải, nước thải. Hệ thống tiêu nước thải trong vùng không được xử lý tại chỗ, hầu hết các loại phân hữu cơ của người, gia súc, gia cầm đều được thải trực tiếp ra kênh. Nước mặt bị nhiễm bẩn hữu cơ là trở ngại chính cho việc cung cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, việc hình thành các khu công nghiệp,

khu chế biến thủy sản... sẽ khiến lượng chất thải tăng lên trong thời gian tới, nếu không xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn nước trên các sông rạch, trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm nói riêng.

Suy thoái môi trường: Đối với các trại quảng canh, quảng canh cải tiến hay tôm - lúa, mặc dù trong quá trình nuôi tác động ô nhiễm môi trường là không đáng kể, nhưng quá trình cải tạo các ao nuôi này lại có những tác động khá lớn đến môi trường do việc nạo vét bùn thường lại thải trực tiếp ra kênh rạch là một trong những nguyên nhân gây đục nguồn nước cũng như bồi lắng kênh rạch, làm giảm khả năng tiêu thoát nước. Đối với các khu nuôi tôm công nghiệp hay bán công nghiệp, nước sau khi nuôi có hàm lượng chất ô nhiễm khá lớn được thải trực tiếp ra môi trường mà không qua xử lý, một số hộ dân vẫn bơm xả bùn thải trực tiếp ra kênh rạch làm môi trường nước nhanh chóng bị suy thoái. Đáng chú ý các kênh rạch này lại chính là kênh cấp nước, dẫn đến việc chất thải từ khu nuôi này lại được lấy cấp cho khu nuôi khác. Nguồn thải từ các ao nuôi bị bệnh cũng là yếu tố đóng góp lớn gây mất ổn định nghề nuôi trong thời gian qua. Do các ao nuôi quảng canh không kiểm soát được bệnh dịch, quá trình trao đổi nước diễn ra tự nhiên không có kiểm soát nên khi ao bị mắc bệnh, mầm bệnh sẽ được lan theo dòng nước ra toàn vùng. Một số ao nuôi thâm canh hay bán thâm canh khi bị bệnh do ý thức của chủ hộ nuôi hoặc các hộ nuôi không có tiền để tiêu diệt nguồn bệnh nên nước từ ao tôm bị bệnh được thải trực tiếp ra kênh rạch. Với đặc điểm trên, mầm bệnh sẽ lan tràn ra toàn

vùng, đặc biệt nó sẽ được lưu trú trong các ao nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến, tôm - rừng hay tôm - lúa và tiếp tục phát tán ra nguồn nước.

Dịch bệnh trong nuôi tôm:

Nuôi tôm là hoạt động đặc thù, nghề nuôi hoàn toàn gắn với môi trường nước và được coi như là nghề có độ rủi ro cao nhất. Độ rủi ro cao không phải do kỹ thuật nuôi tôm khó khăn mà do tác động của môi trường, đặc biệt là nguồn bệnh dịch phát tán theo nguồn nước tác động trực tiếp đến con tôm nuôi.

Ở ĐBSCL dịch bệnh là kẻ thù số một gây thiệt hại trong nuôi tôm. Có thể nói bệnh dịch xuất hiện mọi lúc, mọi nơi, ở tất cả các vùng nuôi tôm. Chưa lúc nào người nuôi tôm thoát khỏi nỗi lo về dịch bệnh và nó đã làm điều đứng bao vùng nuôi tôm. Các đợt dịch gần đây cho thấy, năm 2004 có 28% số hộ thả nuôi tôm sú bị thiệt hại nặng do tôm nuôi bị chết, năm 2005 có 34% và năm 2006 có 20% số hộ bị thiệt hại. Đợt dịch vào cuối năm 2007, đầu 2008 và 2009, chỉ tính riêng tỉnh Kiên Giang đã có tới 50% diện tích tôm nuôi bị dịch không cho thu hoạch. Tiếp tục đợt dịch bệnh vào tháng 4, 5/2011 đã thực sự tàn phá các vùng nuôi tôm, điển hình là tại các vùng nuôi tôm ở tỉnh Sóc Trăng thiệt hại lên đến trên 90% diện tích nuôi, nhiều khu vực bị mất trắng và ước tính mức độ thiệt hại là khoảng trên 1.000 tỷ đồng. Các địa phương khác được coi là may mắn, dịch bệnh tác động không quá lớn như Cà Mau, Long An, mức độ thiệt hại cũng vào khoảng 50% về mặt diện tích. Như vậy, có thể thấy việc phát triển diện tích lớn, các khu nuôi không được quy hoạch rõ ràng để quản lý; các ao nuôi công nghiệp nằm trong các khu

nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến; nguồn nước cấp cho các khu công nghiệp cũng chính là nguồn cấp cho các hình thức nuôi khác chính là các rủi ro lây lan nguồn bệnh cho các khu nuôi công nghiệp, dẫn đến thiệt hại nặng nề cho nghề nuôi như thời gian qua.

Vấn đề cơ chế, chính sách:

Nhìn chung, các chủ trương, chính sách vĩ mô của Chính phủ dành cho ngành nuôi trồng thủy sản đã tính đến việc hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Tuy nhiên việc triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước đã bộc lộ nhiều bất cập. Quy hoạch, giống, vốn, quản lý môi trường, quản lý dịch bệnh chưa đáp ứng đủ cho ngành tôm phát triển với tốc độ cao. Các mục tiêu chính sách bị cắt xén và chạy theo lợi ích trước mắt, trong khi các mục tiêu về môi trường và duy trì tính bền vững thì ít được nhắc tới...

Một số giải pháp phát triển bền vững nghề nuôi tôm ở ĐBSCL

Phát triển nghề nuôi tôm ở ĐBSCL không chỉ giúp khai thác tiềm năng, lợi thế sẵn có, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội mà còn là giải pháp quan trọng để thích ứng với biến đổi khí hậu tại các tỉnh ven biển. Để phát triển bền vững nghề nuôi tôm ở ĐBSCL, theo chúng tôi cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Về tổ chức sản xuất: Hiện nay ở ĐBSCL đang tồn tại nhiều hình thức nuôi tôm, tuy nhiên việc phát triển nuôi công nghiệp trên quy mô tập trung cần được khuyến khích và quy hoạch nhằm duy trì tăng trưởng của nghề nuôi, tăng cao hiệu quả sử dụng đất. Bên cạnh đó, cần rà soát lại quy hoạch, điều chỉnh diện tích vùng

nuôi tôm cho phù hợp. Tăng cường hợp tác và liên kết trong sản xuất, hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác và các mô hình liên kết theo chuỗi. Kết cấu lại vùng nuôi theo hướng tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa, hình thành các vùng nuôi có diện tích đủ lớn để sản xuất hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh.

Về khoa học và công nghệ:

Tăng cường đầu tư nghiên cứu chọn tạo, sản xuất tôm giống chất lượng cao theo hướng tăng trưởng nhanh, sạch bệnh cho vùng nuôi thâm canh; tôm giống tăng trưởng nhanh, kháng bệnh cho vùng nuôi quảng canh, nuôi sinh thái. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ nuôi mới (công nghệ biofloc, ứng dụng chế phẩm sinh học...) cùng các giải pháp đồng bộ để tăng năng suất và sản lượng cho mô hình nuôi. Nghiên cứu công nghệ tạo các chế phẩm sinh học bổ sung vào thức ăn, các protein và enzyme tái tổ hợp nhằm nâng cao độ hấp thu, tiêu hóa và tăng cường miễn dịch cho tôm để chống chịu với những biến động về môi trường và độ mặn. Nghiên cứu giải pháp kiểm soát môi trường và dịch bệnh trong nuôi tôm...

Về cơ chế, chính sách: Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cho phù hợp với mục tiêu phát triển ngành tôm như chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; ưu đãi vốn, tín dụng vào bảo hiểm nông nghiệp; ưu đãi và khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ; đầu tư hạ tầng thủy lợi. Đồng thời cần rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích nuôi tôm công nghệ cao thân thiện với môi trường và phát triển nuôi tôm sinh thái bền vững